

**THÍCH ỨNG VĂN HÓA CỦA LƯU HỌC SINH Ở VIỆT NAM:
HIỆN TRẠNG, NHU CẦU VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA**
(*Nghiên cứu trường hợp lưu học sinh ở Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*)

Nguyễn Thị Thu Hoài^{1*}, Nguyễn Thị Thanh Thủy²
¹Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, ²Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương
*Email: thuhoai.nguyen@hnue.edu.vn

/Ngày nhận bài: 02/05/2025

/Ngày nhận bài sửa sau phân biện: 26/05/2025

/Ngày chấp nhận đăng: 30/05/2025

TÓM TẮT

Bài báo tập trung khảo sát quá trình thích ứng văn hóa của lưu học sinh quốc tế đang học tập tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, gồm lưu học sinh đến từ các châu lục khác nhau. Bằng phương pháp định tính kết hợp định lượng, bài báo tập trung vào ba nội dung chính: (1) Hiện trạng thích ứng văn hóa, bao gồm mức độ hiểu và thực hành các giá trị, chuẩn mực văn hóa Việt Nam; (2) Các nhu cầu cụ thể trong đời sống hàng ngày như giao tiếp, ẩm thực, tôn giáo, ngôn ngữ, và nhu cầu hỗ trợ về tâm lý - xã hội; (3) Những vấn đề còn tồn tại như rào cản ngôn ngữ, khác biệt văn hóa và cảm giác xa lạ hoặc bị cô lập trong môi trường bản địa. Từ kết quả phân tích, bài viết chỉ ra những vấn đề thuộc về phía lưu học sinh, đồng thời hướng đến những khuyến nghị về sự chủ động từ phía cơ sở giáo dục để cải thiện chấp nhận văn hóa, tạo môi trường học tập và trải nghiệm tốt nhất cho lưu học sinh. Nghiên cứu góp phần gợi mở những vấn đề về chính sách trong tiếp nhận lưu học sinh, phù hợp với đặc thù văn hóa - xã hội của Việt Nam cũng như đối thoại trong văn hóa Việt Nam và di cư quốc tế.

Từ khóa: *Lưu học sinh, thích ứng văn hóa, hiện trạng và nhu cầu, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*

**CULTURAL ADAPTATION OF INTERNATIONAL STUDENTS
IN VIETNAM: CURRENT SITUATION, NEEDS, AND EMERGING ISSUES**
(*Case study of international students at Hanoi National University of Education*)

ABSTRACT

This article focuses on examining the process of cultural adaptation among international students currently studying at Hanoi National University of Education, including students from various continents. Using a combination of qualitative and quantitative methods, the article concentrates on three main aspects: (I) The current state of cultural adaptation, including the level of understanding and practice of Vietnamese cultural values and norms; (II) Specific needs in daily life such as communication, cuisine, religion, language, and the need for psychosocial support; (III) Persistent issues include intercultural discontinuities, experiences of cultural dissonance, and feelings of marginalization or social isolation within the host environment. Based on the analysis results, the article identifies problems on the part of the international students and simultaneously offers recommendations for proactive measures from educational institutions to enhance cultural acceptance and create the best possible learning and experiential environment for international students. The study contributes to informing policy discussions on the reception and support of international students in ways that are responsive to Vietnam's specific socio-cultural context.

Keywords: *International students in Vietnam; cultural adaptation; current conditions and needs; Hanoi National University of Education*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cùng với toàn cầu hóa và hội nhập, di cư quốc tế ngày càng trở nên phổ biến, trong đó có “di cư du học”. Bên cạnh những lợi ích là căn bản, hành trình du học cũng đầy rẫy những thách thức, trong đó có thách thức về thích ứng văn hóa.

Thích ứng văn hóa là quá trình mà một người, một nhóm người có sự điều chỉnh suy nghĩ, hành vi, quan

điểm của mình để phù hợp với môi trường văn hóa mới. Điều này thường xảy ra khi con người chuyển đến một nơi có nền văn hóa khác biệt, chẳng hạn như di cư, du lịch, làm việc, du học tại một quốc gia khác. Nói đến thích ứng, hay thích nghi, người ta thường nghĩ đến khả năng điều chỉnh của mỗi người để sống hòa hợp với môi trường văn hóa mới. Quá trình này có thể bao gồm việc học hỏi ngôn ngữ, thâm nhập vào phong tục, tập quán và quy tắc xã hội của nền văn hóa

đích. Việc thích nghi tốt hay không tốt sẽ quyết định đến chất lượng cuộc sống của một người hoặc một nhóm người, giúp người đó hoặc nhóm người đó cảm thấy thoải mái hoặc không thoải mái khi ở môi trường mới, vì thế sẽ góp phần giảm thiểu cảm giác cô đơn, bơ vơ. Trong quá trình thích ứng, nhiều thói quen cũ của con người sẽ cần phải thay đổi cho phù hợp, có thể là thay đổi tích cực như việc trang bị thêm kiến thức về văn hóa xã hội, mở rộng tầm nhìn, cải thiện kỹ năng giao tiếp hoặc tiêu cực như việc ít chia sẻ hơn, cảm giác về sự biến mất của bản sắc văn hóa. Việc chấp nhận sự thay đổi là một phần quan trọng trong quá trình thích ứng.

Thích ứng văn hóa là khái niệm quen thuộc trong các nghiên cứu nhân học, văn hóa học, xã hội học. Thích ứng có thể hiểu chỉ đơn giản là cần làm quen với khẩu vị của món ăn mới; cần thay đổi kiểu dáng, chất liệu của trang phục cho phù hợp với thời tiết, công việc; cần làm quen hoặc phải thay đổi về quy tắc ứng xử, văn hóa giao tiếp đôi khi rất xa lạ với nền văn hóa gốc. Thích ứng văn hóa được hiểu là “quá trình thích nghi với môi trường văn hóa mới và học cách điều chỉnh hành động cũng như phương pháp giao tiếp của mình để giao tiếp tốt hơn với những người thuộc nền văn hóa mục tiêu”¹. Như vậy, thích nghi, học cách điều chỉnh hành động, học các phương pháp giao tiếp và nền văn hóa mục tiêu là những vấn đề then chốt của thích ứng văn hóa. Đó là việc “xem xét và thay đổi cấu trúc của một chương trình hoặc hoạt động thực hành để phù hợp hơn với nhu cầu và sở thích của một nhóm hoặc cộng đồng văn hóa cụ thể”² hay “sự biến đổi về tâm lý, tư tưởng”³. Thích ứng văn hóa do vậy phản ánh năng lực của con người trong việc phải đổi mới với thay đổi của môi trường tự nhiên và xã hội bằng cách sửa đổi văn hóa của họ.

Thích ứng văn hóa là một quá trình phức tạp nhưng cần thiết cho những ai sống trong môi trường văn hóa mới. Nó liên quan đến việc thích nghi, thay đổi bản thân, và thiết lập các mối quan hệ xã hội, từ đó tạo ra một nền tảng vững chắc cho sự hòa nhập và phát triển cá nhân.

Với ý nghĩa quan trọng của nó trong quá trình chuyển cư, nhiều nghiên cứu đã quan tâm đến vấn đề này. Tuy nhiên, đối tượng được quan tâm nhiều hơn là thích ứng của cộng đồng di trú lâu dài do kết hôn hoặc lao động. Di cư du học còn chưa được quan tâm đúng mức. Các nghiên cứu về di cư du học chủ yếu quan tâm đến thích ứng trong học tập, khảo sát từ số liệu về kết quả học tập, trong đó tập trung hơn cả là những thuận lợi, khó khăn trong học tiếng Việt. Chúng ta đều biết, rào cản ngôn ngữ là một trở ngại đáng kể đối với lưu học sinh. Giao tiếp trong đời sống bằng tiếng Việt trình độ cao đã không phải là dễ, tiếng Việt học thuật lại càng không đơn giản, đặc biệt là với các sắc

thái biểu cảm trong ngôn ngữ, ý tứ của thành ngữ hay giọng địa phương... cũng có thể dẫn đến những thách thức trong giao tiếp. Những điều này bên cạnh tác động trực tiếp đến kết quả học tập, còn tác động mạnh mẽ đến sự hòa nhập xã hội, vì học sinh có thể cảm thấy miễn cưỡng khi tham gia vào các cuộc thảo luận hoặc giao lưu với bạn bè. Những điều này, cùng với học tập áp lực bằng một ngôn ngữ khác, một nền giáo dục khác rất dễ khiến các bạn choáng ngợp. Trải nghiệm cá nhân chúng tôi khi đi du học ở nước ngoài và đặc biệt, hiện tại đang đào tạo lưu học sinh (LHS), chúng tôi nhận ra rằng, mức độ thâm nhập vào đời sống văn hóa của nước sở tại cũng quan trọng không kém việc học tập. Bởi lẽ, chỉ khi có một đời sống tinh thần ổn định, một sự tự tin tham dự, những tình bạn tốt đẹp để cùng nhau tham gia các hoạt động ngoài giờ học, học sinh mới không bị rơi vào trạng thái cô đơn và nhớ nhà, những thứ vô hình nhưng có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe tinh thần và kết quả học tập của họ. Trên cơ sở đó, kết quả học tập và trải nghiệm văn hóa, tức mục tiêu sâu xa của du học mới đạt được hiệu quả cao nhất.

Có thể nói, trong một xã hội biến chuyển nhanh, mạnh và đa chiều tương tác như hiện nay, việc du học mang lại nhiều lợi ích, có thể kể đến như: gia tăng năng lực sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt, tăng cường hiểu biết về văn hóa, đóng góp nguồn nhân lực cho giáo dục, kinh tế, văn hóa, ngoại giao... Tuy nhiên, cũng cần nhận thấy rõ ràng, bên cạnh những lợi ích là căn bản, hành trình du học cũng đầy rẫy những thách thức, đặc biệt là về mặt thích ứng văn hóa. Là một bộ phận không thể thiếu trong cấu trúc của các cơ sở giáo dục - đào tạo, đời sống LHS cũng đã được quan tâm nghiên cứu trong những năm trở lại đây. Các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào: I) Phân tích lỗi sai phổ biến của học viên, sinh viên khi học tiếng Việt. Có thể kể đến nghiên cứu về tổ hợp V+ NP trong tiếng Việt của sinh viên Trung Quốc từ góc độ đối chiếu (Anh, N. H., 2015); khảo sát lỗi tiếng Việt của người nước ngoài và những vấn đề liên quan (Nguyen, T. N., 2000); khảo sát lỗi từ vựng, ngữ pháp trong kỹ năng viết tiếng Việt của học viên nước ngoài (Chu, T. Q. G. & Nguyen, T. T. T., 2006); đi vào những vấn đề rất cụ thể như lỗi chuyển di khi sử dụng kiểu câu so sánh trong tiếng Việt của sinh viên Trung Quốc (Vân, Đ. T & Khiết, D. T., 2016), khảo sát, số lỗi giao thoa ngôn ngữ của sinh viên Trung Quốc học tiếng Việt, trên cơ sở đó đề xuất chiến lược dạy học (Trang, L. H., 2021) và II) Việc dạy tiếng Việt như một thứ ngôn ngữ thứ hai với các vấn đề đặt ra về giao tiếp liên văn hóa, vai trò của văn hóa đích đối với việc tiếp nhận tiếng Việt ở bậc cao. Các công trình đã phân tích, bàn luận nhiều nội dung liên quan đến việc dạy tiếng Việt như một ngôn ngữ thứ hai: những thuận lợi, khó khăn và đề xuất phát triển (Nguyen, H. Q., 2012), luận bàn các vấn đề liên quan đến giao tiếp

liên văn hóa trong phát triển kỹ năng học tiếng Việt cho một đối tượng cụ thể là học viên Trung Quốc (Hoài, N.T.T, 2024), khẳng định ngôn ngữ và các yếu tố văn hóa đặc biệt có thể là yếu tố quan trọng thu hút sinh viên quốc tế đến các điểm đến châu Á, trong đó có chương trình tiếng Việt và Việt Nam học cũng như các hoạt động trao đổi văn hóa” (Khanh, M.H & Ngọc, C.H, 2021); việc thiếu hệ thống hỗ trợ ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng thích ứng trong học tập của sinh viên và đưa ra những đề xuất cho việc đổi mới hệ thống giáo dục đại học để thu hút tốt hơn (Minh N.N. D, Thuy, N.T.C & Huong, P.T).

Có thể thấy, việc du học đến một vùng đất mới với những trải nghiệm “lạ”, thậm chí còn bị “sốc văn hóa” sẽ có tác động không nhỏ đến đời sống của LHS, do vậy, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, sẽ ảnh hưởng đến đời sống và trực diện là việc học tiếng Việt của họ. Việc nghiên cứu để chỉ ra những biểu hiện, từ đó thấy được những thuận lợi, khó khăn để bản thân LHS và những thực thể liên quan có thể điều hướng, tạo ra môi trường sống thuận lợi, nhân văn, hướng tới sự phát triển là điều vô cùng quan trọng trong bối cảnh giao lưu ngày càng mở rộng hiện nay.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu này được thực hiện bằng việc kết hợp các phương pháp nghiên cứu dưới đây:

2.1. Phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu

Các dữ liệu thu thập được xử lý và hệ thống lại để đảm bảo tính logic và hợp lý, phục vụ đúng nội dung nghiên cứu. Dữ liệu được thu thập từ Báo cáo về công tác đào tạo LHS của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Báo cáo về công tác đào tạo LHS và hợp tác quốc tế của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, website của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và những dữ liệu có được từ quan sát, quá trình tương tác và hỗ trợ LHS của giáo viên.

2.2. Phương pháp tổng hợp, so sánh

Các số liệu được tổng hợp, hệ thống hóa hoặc mô hình hóa thành các bảng biểu, trên cơ sở đó phân tích, so sánh làm nổi rõ hiện trạng đời sống và sự thích ứng văn hóa của LHS ở Việt Nam.

2.3. Phương pháp quan sát và phỏng vấn

Quan sát của tác giả với tư cách là giảng viên trong hơn 10 năm dạy LHS. Phỏng vấn các LHS đã và đang du học ở Việt Nam về tình hình cuộc sống của họ, những thuận lợi và khó khăn mà họ gặp phải trong quá trình sinh sống và thích ứng văn hóa trên vùng đất mới, phỏng vấn một số giáo viên, nhân viên quản lý kí túc xá. Tổng số người trả lời khảo sát bằng bảng hỏi là 112 LHS, đến từ Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Nga, Hoa Kỳ, Mông Cổ, Đức tại thời điểm các năm 2023, 2024 và 2025, 2 giáo viên và 1 nhân viên quản lý Kí túc xá.

3. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

3.1. Khái quát về LHS ở Việt Nam

Việt Nam, với vị thế ngày càng cao trên trường quốc tế, việc thu hút đầu tư, nâng tầm quan hệ ngoại giao, kinh tế với thế giới đã trở thành một quốc gia thu hút LHS, làm cho số lượng LHS đến Việt Nam ngày càng tăng. Theo báo cáo của Cục Hợp tác quốc tế, giai đoạn 2016-2021, Việt Nam có 155 cơ sở giáo dục tiếp nhận, đào tạo hơn 45.000 LHS nước ngoài đến từ 102 quốc gia và vùng lãnh thổ. Trong đó, 26,6% LHS Hiệp định và 73,4% LHS ngoài Hiệp định. Cũng theo số liệu từ Bộ Giáo dục và Đào tạo, lượng LHS tăng hàng năm từ 8-10%/năm, tính từ năm 2018 đến năm 2023. Các bài phát biểu, các ý kiến của lãnh đạo trung ương, ban, ngành liên quan và đại diện các đại sứ quán của các nước đều có chung khẳng định: Ngành giáo dục Việt Nam không chỉ đào tạo về chuyên môn cho LHS mà còn kết nối tình đoàn kết, hữu nghị thông qua công tác đào tạo. Tổng quan tài liệu có thể thấy một số đặc điểm như sau:

- LHS nước ngoài tại Việt Nam chủ yếu theo học bậc đại học và các khóa ngắn hạn về tiếng Việt hoặc trao đổi của các trường đại học. Số lượng sinh viên theo học thạc sĩ, tiến sĩ, trao đổi học giả chưa nhiều. Học thạc sĩ, tiến sĩ chủ yếu đến từ Lào, Campuchia, Trung Quốc, Hàn Quốc, ngành học chủ yếu là Việt Nam học.

- LHS Lào và Campuchia chiếm gần 80% tổng số, tiếp theo là Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản do quan hệ kinh tế, giáo dục phát triển trong những năm gần đây.

- Các trường đại học tiếp nhận lượng LHS lớn và đa dạng về quốc tịch như: Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Hà Nội, Trường Đại học Huế, Trường Đại học Thái Nguyên và Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

- Khảo sát năm 2021 của Cục Hợp tác quốc tế - Bộ GD&ĐT với gần 1.000 LHS, phần lớn sinh viên quốc tế bày tỏ sự hài lòng với điều kiện học tập, sinh hoạt, cơ sở vật chất và sự hỗ trợ từ giảng viên.

LHS ở Trường ĐHSP Hà Nội đến từ các nguồn chính: hợp tác đào tạo hai trường (với Đại học Vân Nam (Trung Quốc), Đại học ngoại ngữ Busan (Hàn Quốc), Đại học Sư phạm Quảng Tây (Trung Quốc), Học viện ngoại ngữ Quế Lâm (Trung Quốc), các tập đoàn/công ty như: Tập đoàn Samsung (Hàn Quốc), tập đoàn Daewoo (Hàn Quốc), tổ chức Koica (Hàn Quốc), công ty Formosa (Đài Loan, Trung Quốc)...); diện LHS Hiệp định (Nga, Lào) và một bộ phận tự túc học tiếng Việt hoặc thạc sĩ, tiến sĩ, đến từ Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Mông Cổ... Độ tuổi trung bình của họ là 21 tuổi. Theo quan sát của chúng tôi, LHS có nề nếp học tập tốt, biểu hiện ở việc thực hiện quy định giờ giấc và các nhiệm vụ học tập, quy

định về giờ giấc ở kí túc xá, tham gia đầy đủ, có trách nhiệm các hoạt động cộng đồng. Họ có tinh thần nỗ lực cao, có thái độ kính trọng thầy cô giáo và các cán bộ quản lý. Đây là những thuận lợi trong công tác tổ chức đào tạo và triển khai các hoạt động giao lưu văn hóa quốc tế.

3.2. Thích ứng văn hóa của LHS ở một số phương diện tiêu biểu

3.2.1. Ngôn ngữ và giao tiếp

Ở Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, với sự đa dạng của năng lực ngôn ngữ, từ bắt đầu A1 đến B2, thậm chí là B2+ với diện sinh viên năm thứ 3 chuyên ngành tiếng Việt sang học trao đổi... Với những sinh viên bắt đầu học, họ sẽ phải sử dụng ngôn ngữ nguồn hoặc tiếng Anh để tạo lập môi trường giao tiếp trong nhà trường và cuộc sống hàng ngày. Với những sinh viên đã có năng lực tiếng Việt nhất định, thầy cô khuyến khích sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp, cả trên giảng đường và trong đời sống hàng ngày. Khảo sát cho thấy, đa phần sinh viên đều không cảm thấy khó khăn trong việc giao tiếp với người Việt Nam, bằng chứng có 85,7% người được hỏi trả lời “không có khó khăn” khi giao tiếp, ứng xử, và “có khó khăn” chỉ chiếm 14,3%.

“Trước khi em sang Việt Nam du học gặp thấy rất nhiều khó khăn và thắc mắc. Như đi bên ngoài nói chuyện với người Việt Nam, nghe không hiểu và nghe không kịp, trong lớp không quen được phương pháp giảng dạy của các thầy cô Việt Nam” (nam, Trung Quốc, 2024).

Đây là tâm sự hồi cố về những ngày đầu tiên mới đến Việt Nam vì chưa phản ứng kịp với môi trường ngôn ngữ bản địa, và cũng là lý do chính để các bạn cảm thấy khó khăn trong giao tiếp, ứng xử. Tuy nhiên, với tính chất cộng đồng và cởi mở của văn hóa Việt Nam, LHS đã thường xuyên nhận được sự giúp đỡ của người Việt Nam, trong đó có cả những người không quen biết. Kết quả khảo sát với câu hỏi “các bạn có thường xuyên nhận được sự giúp đỡ của người Việt Nam khi gặp vấn đề trong cuộc sống hay không”, “Thường xuyên nhận được sự giúp đỡ” chiếm 62,7%, “thỉnh thoảng” chiếm 25,9%, “không bao giờ” chiếm 11,4%. Trong đó, đặc biệt gây chú ý với 36,6% có lựa chọn “thường xuyên nhận được sự giúp đỡ của những người không quen biết”.

3.2.2. Ăn uống và kí túc xá

Khảo sát cho thấy, 52,67% lựa chọn “khó khăn” và “rất khó khăn”; 47,33% lựa chọn “trung bình”, “dễ dàng” và “rất dễ dàng” để tìm kiếm thức ăn có khẩu vị phù hợp. Qua tiếp xúc trực tiếp tại các buổi lên lớp, LHS đều đặc biệt hứng thú với món ăn Việt Nam. Nhiều bạn chia sẻ dù đã đi nhiều nơi nhưng món ăn của Việt Nam, đặc biệt món ăn sáng, ăn vặt là thích

nhất. Xôi, bún, phở, ngô, khoai... được các bạn nữ đặc biệt yêu thích. Đồ uống thì cà phê, sinh tố là hai món được các bạn LHS ưa chuộng vì “đi cà phê” giúp họ có cơ hội, có không gian giao lưu, trao đổi ngôn ngữ tiếng Việt và văn hóa Việt Nam. “Việc gọi đồ uống, hỏi giá, mặc cả bằng tiếng Việt cũng giúp chúng tôi hiểu thêm về văn hóa mua sắm, văn hóa tiêu dùng của người Việt Nam. Điều này có nhiều cái khác với văn hóa nước tôi. Chẳng hạn như, người Việt Nam hay mời nhau ăn, uống, họ không yêu cầu người đi cùng phải chia sẻ” (nam, Hoa Kỳ, 2024). Chia sẻ của một bạn người Trung Quốc giúp chúng tôi thấy một điều rất thú vị, đó là Trung Quốc không có thức uống là sinh tố, chỉ có nước ép. Do vậy, bạn đầu chỉ là tò mò mà uống thử, về sau đa phần LHS Trung Quốc đều rất thích thức uống này vì theo họ, sinh tố tốt hơn nước ép vì bảo lưu được chất xơ (nữ, Trung Quốc, 2024). Con số 19,64% chọn “rất khó khăn” và 16,1% “khó khăn” khi chọn thực phẩm phù hợp khẩu vị cũng làm chúng ta phải suy nghĩ về việc đa dạng văn hóa ẩm thực trong không gian có sự đa dạng quốc tịch cư trú.

Điều kiện vật chất trong khuôn viên trường, kí túc xá và khu nhà trọ bên ngoài cũng được đánh giá ở mức độ bình thường với 89,3% lựa chọn từ “trung bình” đến “rất tốt”, có nghĩa kí túc xá có thể đáp ứng được nhu cầu của học viên. Tuy nhiên, chúng tôi cũng quan tâm đến con số 10,7% lựa chọn “kém”. Theo chia sẻ của các bạn có lựa chọn này, các vấn đề gặp phải ở đây thường là nền tảng mạng kém và việc dọn dẹp vệ sinh chưa được thường xuyên (nữ, Mông Cổ, 2024).

3.2.3. Môi trường học tập và giáo dục

Đối với LHS, môi trường học tập và giáo dục trong trường học có vai trò rất lớn. Một ngôi trường có hệ sinh thái học tập (thư viện, phòng tự học), khu vực rèn luyện thể chất (sân vận động, nhà thi đấu) và giải trí (các câu lạc bộ) tốt sẽ là một điều kiện thuận lợi để lưu học sinh đa dạng hóa các hoạt động và phát triển toàn diện. Điều này sẽ giúp cho tốc độ thâm nhập vào đời sống bản địa nhanh hơn và bớt đi cảm giác nhớ nhà vì thời gian rảnh rỗi quá nhiều. Mặc dù diện tích của các trường đại học ở Việt Nam còn khá nhỏ nhưng như trên đã mô tả, các trường đại học kí hợp đồng đào tạo LHS đa phần là trường lớn và có hệ sinh thái học tập tốt, đáp ứng khá tốt nhu cầu học tập, giao lưu văn hóa, ngôn ngữ của sinh viên nước ngoài. Khảo sát của chúng tôi với câu hỏi: “Bạn có hài lòng với sự hỗ trợ của nhà trường đối với sinh viên quốc tế không?”, câu trả lời “hài lòng” chiếm 51,8%, “rất hài lòng” chiếm 8,9% và “không hài lòng” và “rất không hài lòng” là 39,3%. Như vậy có thể thấy, mức độ “hài lòng” trở lên chiếm 60,7% về cơ sở đào tạo. Chúng tôi cũng đã tiến hành phỏng vấn với hai đối tượng rất hài lòng và rất không hài lòng, kết quả cho thấy việc hài lòng với sự hỗ trợ của nhà trường nằm ở điều kiện

VĂN HÓA - CULTURE

cơ sở vật chất của phòng học, kí túc xá. Họ cho rằng, so với sinh viên Việt Nam, các bạn đã được ở những phòng kí túc chất lượng tốt hơn, các phòng học tốt hơn; chúng tôi cũng được đi thư viện, đi phòng tự học và gặp gỡ giáo viên, gặp gỡ sinh viên Việt Nam để giao lưu, học hỏi (nữ, Nga, 2025); còn về lý do rất không hài lòng đó là vì thang máy phải chờ rất lâu, sân vận động hơi nhỏ, thư viện ít sách ngoại văn, đặc biệt là công tác tra cứu tài liệu còn khó khăn với sinh viên nước ngoài (nữ, Trung Quốc, 2024).

Chúng tôi cũng tiến hành khảo sát về sự sẵn lòng hỗ trợ của thầy giáo, cô giáo đối với LHS. Chúng tôi cho rằng, đối với LHS, đôi khi người giáo viên phải kiêm cả công tác giáo vụ, cả công tác quản lý kí túc xá, cả chức năng của một cán bộ y tế, thậm chí là cán bộ tư vấn tâm lý. Bởi lẽ, với những rào cản nhất định về ngôn ngữ, sự thâm nhập vào văn hóa bản địa còn ở mức độ thấp do còn nhiều lạ lẫm, người bản địa tin cậy đầu tiên đối với lưu học sinh có lẽ là những giáo viên của họ. Giáo viên nói, họ hiểu; họ nói - giáo viên hiểu, trong khi đi ra bên ngoài, từ gọi đồ ăn đến xe ôm, gọi xe, hỏi đường... đều gặp phải khó khăn, “sao em nói cô hiểu mà em nói với mọi người ở ngoài đường, họ không hiểu gì ạ?” là những câu hỏi bao thế hệ sinh viên đã đặt ra với giáo viên của họ. Kết quả khảo sát cho thấy, lựa chọn “rất sẵn sàng” và “sẵn sàng” hỗ trợ sinh viên của giáo viên chiếm 94,6%, trong khi lựa chọn “Không bao giờ” và “Thỉnh thoảng” là 0%, 5,4% lựa chọn “Bình thường”. Các cuộc phỏng vấn sâu cũng cho thấy kết quả tốt khi đánh giá về giáo viên Việt Nam của LHS. Có thể kể đến như: Điều khiến tôi ấn tượng sâu sắc ở Việt Nam là các thầy cô ở Trường Đại học Sư phạm Hà Nội rất nghiêm túc, cẩn thận trong giờ học và rất kiên nhẫn với từng học sinh. Điều này để lại cho tôi ấn tượng rất tốt” (nam, Trung Quốc, 2024); “Tôi ấn tượng với sự ân cần của thầy cô. Tôi đã được thầy cô hỗ trợ mượn sách thư viện bằng chính thẻ của họ” (nam, Hàn Quốc, 2024).

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và các trường đại học ở Việt Nam cũng tổ chức các hoạt động giao lưu sinh viên quốc tế, nhằm giúp sinh viên các nền văn hóa khác nhau gia tăng hiểu biết, và là cơ hội để sinh viên thể hiện bản sắc văn hóa đất nước mình. Bên cạnh các hoạt động được tổ chức quy mô lớn ở cấp trường, tại các đơn vị phụ trách đào tạo là các khoa, các học phần do giáo viên phụ trách cũng rất nỗ lực trong việc tạo ra các sân chơi cho LHS. Ở Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, các học phần như Văn hóa, văn minh Trung Quốc, Nghệ thuật Thư pháp Trung Hoa là những học phần thầy, cô thường tổ chức các hoạt động giao lưu với sinh viên Trung Quốc. Các đề tài như âm thực Việt - Trung, kiến trúc Việt - Trung, văn hóa giáo dục Việt - Trung, nghệ thuật thư pháp Trung Quốc... trở thành những chủ đề thú vị để sinh viên hai nước cùng nhau chuẩn bị, cùng nhau giao lưu

ngôn ngữ, văn hóa. Các dịp Giáng sinh, Tết dương lịch cũng là thời điểm để các trường tổ chức các hoạt động lễ hội văn hóa cho LHS. Thí dụ, năm 2024, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã tổ chức Giáng sinh, tổ chức viết thư nêu cảm nhận về Tết Nguyên đán, nhận được sự quan tâm đặc biệt của LHS.

3.2.4. Nhớ nhà, sự cô đơn và các vấn đề khác

Theo quan sát của chúng tôi, nhớ nhà là điều rất đáng quan tâm đối với LHS. Về mặt bản chất, nhớ nhà là một hiện tượng văn hóa - tâm lý phổ biến, phản ánh sự va chạm giữa các hệ thống giá trị, lối sống và cảm xúc cá nhân trong bối cảnh di cư xuyên văn hóa. Nhớ nhà được biểu hiện với cảm giác cô đơn, buồn bã, mất phương hướng, có mong muốn rút lui khỏi giao tiếp xã hội. Họ cũng nỗ lực tìm kiếm các yếu tố mang màu sắc quê hương như món ăn, âm nhạc hoặc giao tiếp với đồng hương. Trường hợp đặc biệt, một số bạn có thể giảm tập trung học tập, căng thẳng hoặc mất ngủ.

“Trong khoảng 2, 3 tháng đầu, khi món ăn không quen, giao thông đi lại không thuận lợi, các giờ học ít làm em rất nhớ nước Đức, hàng ngày em có thể đi đá bóng hoặc ngồi chơi ở sân trường, trên các thảm cỏ (nam, Đức, 2024)”

Hay: “Ấn tượng về giao thông khó khăn, có quá nhiều xe cộ trên đường; có rất nhiều quán ăn vỉa hè, nhiều món ăn đường phố. Ở Nga, không có nhiều xe cộ trên đường vì mọi người thường sử dụng tàu điện ngầm...” (nam, Nga, 2025)

Rõ ràng, bên cạnh yếu tố nội tâm, sự khác biệt về môi trường và điều kiện sống sẽ là những tác nhân quan trọng cho việc thích nghi của LHS. Do vậy, việc tạo ra những không gian sinh hoạt hấp dẫn, những môi trường giao tiếp đa văn hóa để hạn chế những khác biệt, những khoảng cách ngay từ ban đầu là một việc cần phải nghĩ tới đối với các trường có đào tạo LHS, ví dụ như tăng cường các chương trình hỗ trợ sinh viên quốc tế, gia tăng các kết nối với đại sứ quán để LHS thấy thân thiện và gần gũi hơn.

Một điểm rất được các bạn LHS quan tâm đó là mua sắm trên mạng thay vì trực tiếp đến các chợ, siêu thị. Theo các bạn, hàng hóa không phong phú, cách thanh toán còn phức tạp do hệ thống thiếu tính liên kết, việc giao hàng còn chậm, hỗ trợ trả hàng, đổi hàng chưa được đảm bảo là những điểm cảm thấy chưa thực sự thoải mái, có lúc còn e dè, bất an trong mua sắm (nữ, Mông Cổ, 2024). Ngoài ra tuy là vấn đề nhỏ nhưng cũng là “thách thức” đối với LHS, đó là việc nạp tiền điện thoại. Đa phần sinh viên được hỏi đến chỉ cười và khẳng định, họ cảm thấy không thuận lợi ở điểm này do việc mua bán trên mạng còn sợ bị lừa, mà đi tìm được nơi nạp thì không dễ để nó phổ biến.

4. BÀN LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Thứ nhất, LHS ở Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong việc thích ứng văn hóa ở môi trường sống mới, tuy nhiên, vẫn cần cải thiện thêm.

Một điều rất thú vị là, mặc dù còn nhiều điểm chưa thật hài lòng nhưng về cơ bản, LHS không gặp khó khăn khi du học Việt Nam. Đa phần các bạn đánh giá thời kỳ sống ở Việt Nam là “bình thường” với tỷ lệ chọn là 75,9%, “dễ dàng” và “hạnh phúc” chiếm 19,6%, “khó khăn” và “rất khó khăn” chỉ chiếm: 4,5%. Mức độ hài lòng cũng có thể kiểm chứng qua việc các bạn sẵn lòng giới thiệu Việt Nam là điểm đến cho du học sinh Trung Quốc, “không sẵn sàng” và “rất không sẵn sàng” chỉ chiếm 6,3%.

Một trong những lý do quan trọng làm cho các LHS cảm thấy thoải mái khi ở Việt Nam là vì, nội dung mà các bạn học ở Việt Nam về cơ bản là “phù hợp” với mục đích du học. Đánh giá về mức độ đáp ứng nhu cầu về nội dung dạy học gồm: “bình thường” - “phù hợp” - “rất phù hợp” là 93,75%; “không phù hợp” và “rất không phù hợp” là 6,25%. Cùng với đó, các học phần được xây dựng có tính kết nối với thực tiễn rất tốt với sự lựa chọn “cao” và “rất cao” là 85,7%, 0% nào lựa chọn “thấp”, 14,3 % lựa chọn ở mức “trung bình”. Mặt khác, trong suy nghĩ, đánh giá về cơ hội thực hành tiếng Việt và văn hóa Việt Nam khi đi du học tại Việt Nam ở mức cao, “tốt” và “rất tốt” chiếm 88,4%, 5,4% chọn “trung bình”, “kém” và “rất kém” là 6,2%.

Trả lời cho câu hỏi “Trong thời gian lưu học, bạn kết thêm được bao nhiêu người bạn Việt Nam”, kết quả thu được: “từ 0-10 người” chiếm 85,7 %, 14,3% là “trên 10 người”. Trong đó, có 9 lựa chọn “không kết được bạn Việt Nam nào”, chiếm 8% trên tổng số 112 người trả lời khảo sát.

Trong điều kiện trường đại học với lượng sinh viên Việt Nam đông, thì đây vẫn là một con số khiêm tốn. Khi được hỏi “Bạn có thường xuyên đi chơi/đi du lịch trong thời gian du học tại Việt Nam không?”, “thỉnh thoảng” và “rất ít khi” chiếm tới 82,1%, tỷ lệ chọn “không bao giờ” chiếm 10,7 % so với 7,2 % của “thường xuyên”. Trong đó, vẫn chủ yếu là “đi với bạn cùng lớp LHS”, đi với bạn bè Việt Nam rất ít, nhiều bạn còn “đi một mình”. Những con số này cho thấy, khả năng tạo mạng lưới xã hội của LHS còn tương đối hạn chế.

Có thể thấy, những thuận lợi của LHS trong thích ứng văn hóa Việt Nam đa phần phụ thuộc vào điểm mạnh của văn hóa Việt Nam, là sự gần gũi, tương đồng của văn hóa Việt Nam với nền văn hóa cội nguồn của LHS hoặc chỉ ít, đó là sự phù hợp về tâm lý lứa tuổi.

“Các bạn Việt Nam đưa chúng tôi đi cắm trại, các cô gái cũng đi xe máy. Các cô gái Việt Nam tạo cho

người ta cảm giác đoan trang và rất độc lập; anh bảo vệ ở tầng dưới ký túc xá đã cố gắng học từ “xin chào” từ tôi để chào hỏi các sinh viên Trung Quốc và cẩn thận đánh dấu cách phát âm tiếng Trung bằng các ký hiệu phiên âm tiếng Việt làm cho chúng tôi rất thích thú” (nữ, Trung Quốc, 2024).

“Tôi thực sự thích cách người Việt Nam tổ chức cuộc sống. Họ vui vẻ, lạc quan và có chỉ số hạnh phúc cao. Tôi không thấy nhịp sống đó ở đất nước tôi, và tôi rất tò mò. Tôi từng đi uống cà phê với bạn vào buổi sáng, rất sớm, tầm 8h15 một ngày chủ nhật. Khi đó, xung quanh tôi rất nhiều gia đình đã ngồi vui vẻ, cùng nhau uống cà phê và trò chuyện (nam, Nga, 2024).

Thứ hai, cần có chính sách tuyên truyền và sự vào cuộc của các bên liên quan trong việc thu hút, đào tạo, hỗ trợ LHS

Chúng tôi cho rằng, việc hỗ trợ LHS trong quá trình thích ứng văn hóa khi đến học tập tại Việt Nam là một nhiệm vụ thiết yếu và mang tính chiến lược. Thích ứng văn hóa không chỉ đơn thuần là chiến lược của sinh viên quốc tế, mà còn phản ánh năng lực tiếp nhận cũng như đối thoại văn hóa của Việt Nam. Vì vậy, các trường đại học, giảng viên, Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng các cơ quan văn hóa cần có sự phối hợp toàn diện và bài bản nhằm tạo ra một môi trường học tập và sống thân thiện, đa dạng và bao dung.

Trước hết, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần quán triệt về quốc tế hóa giáo dục, trong đó đặc biệt chú trọng yếu tố văn hóa - xã hội chứ không chỉ tập trung vào hợp tác học thuật. Trong đó, việc ban hành các hướng dẫn cụ thể cho những cơ sở giáo dục trong việc tiếp nhận và hỗ trợ LHS, bao gồm cả hỗ trợ tâm lý, ngôn ngữ và hòa nhập cộng đồng là vô cùng cần thiết. Các chương trình giao lưu văn hóa, các cuộc thi cần được tăng cường tổ chức để gia tăng cơ hội thấu hiểu lẫn nhau. Các cơ quan văn hóa thuộc lĩnh vực giao lưu quốc tế cũng cần thường xuyên tổ chức các chương trình ngoại khóa, hội thảo, triển lãm và các khóa học về văn hóa Việt Nam dành cho người nước ngoài, đồng thời cũng mở rộng các kênh thông tin về đa dạng văn hóa, về các nền văn hóa, văn minh trên thế giới để tạo điều kiện cho những đối thoại văn hóa mang tính hai chiều và bền vững.

Đối với trường đại học, cơ sở tổ chức đào tạo trực tiếp, cần có các buổi học “Khái quát về văn hóa Việt Nam” cho sinh viên quốc tế khi nhập học nhằm cung cấp thông tin về chuẩn mực giao tiếp, tập quán xã hội, tập quán sinh hoạt cho LHS. Bên cạnh đó, các trường cũng cần thành lập và tổ chức hoạt động hiệu quả các câu lạc bộ giao lưu văn hóa quốc tế, nơi sinh viên Việt Nam và LHS cùng tham gia, cùng chia sẻ và trải nghiệm. Một mô hình đã khá thành công đó là tạo dựng tình nguyện viên người Việt là “bạn đồng hành”

VĂN HÓA - CULTURE

nhằm giúp sinh viên nước ngoài dễ dàng hơn trong việc tiếp cận hệ thống giáo dục, quy định hành chính cũng như các mặt của đời sống.

Giảng viên là nhân tố được LHS đánh giá cao trong chính thể môi trường văn hóa của nhà trường đại học hiện nay. Tuy nhiên, đề chuyên nghiệp hơn, đặc biệt là đối với đội ngũ giảng viên trẻ, cần được bồi dưỡng về năng lực giao tiếp liên văn hóa, để một cách tự nhiên, hiểu và xử lý được trong những tình huống liên quan đến rào cản ngôn ngữ, giao tiếp và sự khác biệt trong phương pháp học tập của LHS đến từ các nền văn hóa khác nhau.

5. KẾT LUẬN

Kết quả của nghiên cứu này cho thấy, LHS ở cả chương trình giáo dục ngắn hạn và dài hạn đều cần năng lực thích ứng văn hóa. Năng lực thích ứng càng cao thì cuộc sống ở nước du học càng dễ dàng và chất lượng học tập, theo đó cũng tốt hơn. Hiệu quả thích ứng văn hóa của LHS đương nhiên cũng phụ thuộc vào “sự hỗ trợ” của các bên liên quan như môi trường học đường, điều kiện chỗ ở, ẩm thực, giao thông và các vấn đề khác trong đời sống sinh hoạt hàng ngày. Chúng ta cũng nhận thức được rằng, hỗ trợ LHS thích ứng văn hóa là một phần không thể tách rời của quá trình quốc tế hóa giáo dục đại học. Đây không chỉ là việc làm nhằm thu hút LHS mà còn là việc làm thể hiện tính nhân văn sâu sắc của một nền văn hóa, thể hiện qua giáo dục. Để làm được điều này, chúng tôi cho rằng, cần có sự vào cuộc đồng bộ từ Bộ Giáo dục, các cơ quan quản lý văn hóa, các nhà trường, giảng viên, nhân viên để cùng nhau xây dựng một không gian học tập mang tính đa dạng văn hóa, nhân văn và hợp tác, cùng phát triển. Kết quả nghiên cứu này hy vọng sẽ có những đóng góp nhất định cho lý thuyết về thích ứng văn hóa và gợi ra những hướng nghiên cứu mới về tính đối thoại của văn hóa Việt Nam, về di cư quốc tế.

CHÚ THÍCH

¹<https://www.igi-global.com/dictionary/cultural-adaptation/78633>

²Samuels, J., Schudrich, W., & Altshcul, D. (2009). Toolkit for modifying evidence-based practice to increase cultural competence. Orangeburg, NY: Research Foundation for Mental Health. p.7.)

³[https://anthropology.iresearchnet.com/cultural-adaptation/...](https://anthropology.iresearchnet.com/cultural-adaptation/)

⁴Giai đoạn 2016-2021: Việt Nam đào tạo hơn 45.000 lưu học sinh từ 102 quốc gia, nguồn: <https://moet.gov.vn>, truy cập ngày 10 tháng 5 năm 2025.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Anh, N. H. (2015). *Phân tích lỗi sai về tổ hợp V+ NP trong tiếng Việt của sinh viên Trung Quốc từ góc độ đối chiếu*, *Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống*, số 10(240), 2015); [https://anthropology.iresearchnet.com/cultural-adaptation/...](https://anthropology.iresearchnet.com/cultural-adaptation/)
- Chu, T. Q. G. & Nguyen, T. T. T. (2006). *Khảo sát lỗi từ vựng ngữ pháp trong kỹ năng viết tiếng Việt của học viên nước ngoài. Kỷ yếu hội thảo khoa học Việt Nam học và Tiếng Việt*, 7, 136-142.
- Hoài, N.T.T. (2024). *Nâng cao năng lực giao tiếp liên văn hóa trong phát triển kỹ năng viết tiếng Việt cho học viên Trung Quốc (Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 4/2024)*.
- Khanh, M.T.H, Ngoc, C.H. (2021). *Attracting International Students: Experiences of Asian Countries and the Case of University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University – Ho Chi Minh*, *VNU Journal of Science: Education Research*, Vol 37, No.3, P11-21.
- Mehmet Fatih Çömlekçi. (2019). *Public Broadcasting and Migration: Media Representation of Turkish “Guest Workers” in Germany*, nguồn: <https://www.igi-global.com/dictionary/cultural-adaptation/78633>
- Ngoc, D.M, Linh, N.T.T&Huong, P.T (2022). *Socio-Cultural Adaptation of International Students in Vietnam. Education Quarterly Reviews*, 5(2), 397-406.
- Nguyen, T. N. (2000). *Khảo sát lỗi tiếng Việt của người nước ngoài và những vấn đề liên quan, Luận án tiến sĩ ngữ văn. Hà Nội: Nxb ĐHQG Hà Nội*.
- Nguyen, H. Q. (2012). *Việc dạy tiếng Việt như một thứ ngôn ngữ thứ hai. IVNF Institute for Vietnam Future. Retrieved from https://tuonglaivietnam.wordpress.com/2012/05/01/vi%E1%BB%87cd%E1%BA%A1y-ti%E1%BA%BFng-vi%E1%BB%87tnh%C6%B0-m%E1%BB%99t-ngonng%E1%BB%AF-th%E1%BB%A9-haitrenth%E1%BA%BF-gi%E1%BB%9Bi/*
- Samuels, J., Schudrich, W., & Altshcul, D. (2009). *Toolkit for modifying evidence-based practice to increase cultural competence. Orangeburg, NY: Research Foundation for Mental Health. p.7.)*
- Trang, L.H. (2021). *Một số lỗi giao thoa ngôn ngữ của sinh viên Trung Quốc học tiếng Việt (nghiên cứu trường hợp tại khoa Việt Nam học, ĐH Hà Nội)*, *Tạp chí Nhân lực Xã hội*, số 2-2021, tr 88-95.
- Vân, Đ.T & Khiết, D.T .(2016). *Một số lỗi chuyển di khi sử dụng kiểu câu so sánh trong tiếng Việt của sinh viên Trung Quốc*, *Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống*, số 5-2016.